

CHỮA LỖI DÙNG TỪ (tiếp theo)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nhận ra được những lỗi thông thường về nghĩa của từ.
- Có ý thức dùng từ đúng nghĩa.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Từ có thể biểu hiện một nghĩa hoặc nhiều nghĩa. Những nghĩa này của từ tồn tại một cách tiềm tàng trong hệ thống ngôn ngữ. Chỉ khi từ đi vào hoạt động giao tiếp, những nghĩa này mới được hiện thực hoá một cách cụ thể và rõ ràng.

Nhưng khi được hiện thực hoá như vậy, ta thấy thường chỉ một trong số những nghĩa nào đó của từ được bộc lộ, còn những nghĩa khác không thể đồng thời có mặt. Ví dụ :

Từ *gương* có hai nghĩa :

- a) Vật làm bằng thuỷ tinh, mặt nhẵn bóng, phản xạ ánh sáng tốt, thường dùng để tạo ảnh của các vật.
- b) Cái được coi là mẫu mực để noi theo.

Trong hai câu dưới đây, câu thứ nhất hiện thực hoá nghĩa 1, còn câu thứ hai lại hiện thực hoá nghĩa 2.

– *Chị Lan soi gương.*

– *Chị Lan là tấm gương vượt khó khăn cho mọi người noi theo.*

Vậy khi chữa lỗi dùng từ của HS, GV cần dựa theo nghĩa được hiện thực hoá để sửa chữa cho phù hợp.

2. Khi chữa lỗi dùng từ, GV lưu ý HS không phải chỉ xem xét mối quan hệ của từ trong câu mà cần thiết phải biết đặt từ vào mối quan hệ lớn hơn, quan hệ liên câu. Chỉ khi đi vào những mối quan hệ như vậy, từ mới bộc lộ hết ý nghĩa của mình.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Phát hiện lỗi.

GV cho HS đọc lần lượt từng câu có từ dùng sai và yêu cầu HS phát hiện lỗi. HS cần chỉ ra các từ dùng sai nghĩa là :

- a) *yếu điểm*
- b) *đề bạt*
- c) *chứng thực*

Nếu HS không phát hiện được các từ dùng sai, GV có thể gợi ý cho HS hoặc để các em nói cách hiểu của mình về nội dung cả câu, rồi trên cơ sở hiểu cả câu mà tìm từ dùng sai nghĩa. Nghĩa đúng của các từ trên là như sau :

- a) *yếu điểm* : điểm quan trọng.
- b) *đề bạt* : cử giữ chức vụ cao hơn (thường do cấp có thẩm quyền cao quyết định mà không phải do bầu cử).
- c) *chứng thực* : xác nhận là đúng sự thật.

Hoạt động 2. Chữa lỗi.

Dựa trên cơ sở của việc phân tích nghĩa của từ bị dùng sai, GV hướng dẫn các em sửa lỗi. Có thể thay các từ dùng sai trên bằng các từ sau :

- a) Thay *yếu điểm* bằng *nhiệt điểm* (điểm còn yếu, kém) hoặc *điểm yếu*.
- b) Thay *để bạt* bằng *bầu* (chọn bằng cách bỏ phiếu hoặc biểu quyết để giao cho làm đại biểu hoặc giữ một chức vụ nào đấy).
- c) Thay *chứng thực* bằng *chứng kiến* (trông thấy tận mắt sự việc nào đó xảy ra).

Hoạt động 3. Nêu nguyên nhân và cách khắc phục.

GV gọi một HS nêu những nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi và những phương hướng khắc phục :

GV có thể nêu một số nguyên nhân chính :

- Không biết nghĩa ;
- Hiểu sai nghĩa ;
- Hiểu nghĩa không đầy đủ.

GV nêu hướng khắc phục :

- Không hiểu hoặc hiểu chưa rõ nghĩa thì chưa dùng ;
- Khi chưa hiểu nghĩa cần tra từ điển.

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

Các kết hợp đúng :

- *bản tuyên ngôn* ;
- *tương lai xán lạn* ;
- *bôn ba hải ngoại* ;
- *bức tranh thuỷ mặc* ;
- *nói năng tùy tiện*.

Bài tập 2

- a) **khinh khỉnh** : tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.

- b) **khẩn trương** : nhanh, gấp và có phần căng thẳng.
- c) **băn khoăn** : không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ, lo liệu.

Bài tập 3

- a) Thay từ *đá* bằng *đấm* hoặc thay từ *tống* bằng *tung* :
... *tống* một cú *đấm* vào bụng ... ; *tung* một cú *đá* vào bụng ...
- b) Thay từ *thực thà*, bằng *thành khẩn* ; thay từ *bao biện* bằng *nguy biện* :
... *cần thành khẩn* nhận lõi, không nên *nguy biện*.
- c) Thay *tinh tú* bằng *tinh tuý* :
... giữ gìn những cái *tinh tuý* của văn hoá dân tộc.

Bài tập 4

Chính tả.

Chú ý sửa các lỗi lẫn lộn **ch / tr** hoặc lẫn lộn **dấu hỏi / dấu ngã**.